

Số: /QĐ-SYT Hoà Bình, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật, cấp mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và phê duyệt danh mục kỹ thuật lần đầu đối với Phòng khám mắt BS Hồng (thuộc Hộ kinh doanh Bùi Thị Hồng - PL)

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26/12/2014 của Bộ Y tế về việc Quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế về việc Ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 384/QĐ-BYT ngày 30/01/2019 của Bộ Y tế về việc Ban hành nguyên tắc cấp mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Công văn số 115/KCB-QLCL&CDT ngày 01/02/2019 của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 384/QĐ-BYT ngày 30/01/2019 của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình Ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Hòa Bình;

Căn cứ Biên bản thẩm định cấp Giấy phép hoạt động đối Phòng khám mắt BS Hồng (thuộc Hộ kinh doanh Bùi Thị Hồng-PL) ngày 17/01/2025;

Căn cứ Giấy phép hoạt động số 297/HB-GPHĐ do Giám đốc Sở Y tế cấp cho Phòng khám mắt BS Hồng (thuộc Hộ kinh doanh Bùi Thị Hồng-PL) ngày 22/01/2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục kỹ thuật chuyên môn gồm 81 kỹ thuật được phép thực hiện tại Phòng khám mắt BS Hồng (thuộc Hộ kinh doanh Bùi Thị Hồng-PL) do

bà Bùi Thị Hồng là người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của Phòng khám (có danh mục cụ thể kèm theo).

Điều 2. Phòng khám mắt BS Hồng (thuộc Hộ kinh doanh Bùi Thị Hồng-PL) thuộc cấp chuyên môn kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh ban đầu, có mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh là: **17337**.

Phòng khám mắt BS Hồng (thuộc Hộ kinh doanh Bùi Thị Hồng-PL) phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động, danh mục kỹ thuật chuyên môn của Sở Y tế phê duyệt và thực hiện đúng các quy trình, quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Ông/Bà: Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Chánh Thanh tra Sở Y tế, Chủ Phòng khám mắt BS Hồng, Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của phòng khám và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quốc Tiến

**DANH MỤC KỸ THUẬT PHÊ DUYỆT LẦN ĐẦU CỦA PHÒNG KHÁM
MẮT BS HỒNG (THUỘC HỘ KINH DOANH BÙI THỊ HỒNG - PL)**

Chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: BS. Bùi Thị Hồng

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày /01/2025 của
Giám đốc Sở Y tế tỉnh Hòa Bình)*

Danh mục kỹ thuật chuyên môn gồm: 81 kỹ thuật

STT (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
1	3.1578	03. NHI KHOA	Gọt giác mạc đơn thuần
2	3.1591	03. NHI KHOA	Trích mủ mắt
3	3.1650	03. NHI KHOA	Rạch áp xe túi lệ
4	3.1658	03. NHI KHOA	Lấy dị vật giác mạc
5	3.1659	03. NHI KHOA	Cắt bỏ chớp có bọc
6	3.1661	03. NHI KHOA	Chích dẫn lưu túi lệ
7	3.1663	03. NHI KHOA	Khâu da mi
8	3.1664	03. NHI KHOA	Khâu phục hồi bờ mi
9	3.1665	03. NHI KHOA	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
10	3.1666	03. NHI KHOA	Khâu phủ kết mạc
11	3.1681	03. NHI KHOA	Cắt chỉ khâu giác mạc
12	3.1682	03. NHI KHOA	Tiêm dưới kết mạc
13	3.1683	03. NHI KHOA	Tiêm cạnh nhãn cầu
14	3.1684	03. NHI KHOA	Tiêm hậu nhãn cầu
15	3.1685	03. NHI KHOA	Bơm thông lệ đạo
16	3.1687	03. NHI KHOA	Điện di điều trị
17	3.1688	03. NHI KHOA	Khâu kết mạc
18	3.1689	03. NHI KHOA	Lấy calci đông dưới kết mạc
19	3.1690	03. NHI KHOA	Cắt chỉ khâu kết mạc
20	3.1691	03. NHI KHOA	Đốt lông xiêu
21	3.1692	03. NHI KHOA	Bơm rửa lệ đạo
22	3.1693	03. NHI KHOA	Trích chớp, lệ, trích áp xe mi, kết mạc
23	3.1694	03. NHI KHOA	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
24	3.1695	03. NHI KHOA	Rửa cùng đồ
25	3.1696	03. NHI KHOA	Bóc sợi (viêm giác mạc sợi)
26	3.1697	03. NHI KHOA	Bóc giả mạc
27	3.1698	03. NHI KHOA	Rạch áp xe mi
28	3.1699	03. NHI KHOA	Soi đáy mắt trực tiếp
29	3.1703	03. NHI KHOA	Cắt chỉ khâu da
30	3.1704	03. NHI KHOA	Cấp cứu bong mắt ban đầu
31	3.1705	03. NHI KHOA	Theo dõi nhãn áp 3 ngày

STT (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
32	3.1706	03. NHI KHOA	Lấy dị vật kết mạc
33	3.1707	03. NHI KHOA	Khám mắt
34	14.68	14. MẮT	Gọt giác mạc đơn thuần
35	14.83	14. MẮT	Cắt u da mi không ghép
36	14.98	14. MẮT	Trích mỡ mắt
37	14.112	14. MẮT	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi
38	14.133	14. MẮT	Sửa sẹo xấu vùng quanh mi
39	14.138	14. MẮT	Lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi
40	14.139	14. MẮT	Điều trị co giật mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc, laser
41	14.167	14. MẮT	Cắt bỏ chắp có bọc
42	14.171	14. MẮT	Khâu da mi đơn giản
43	14.172	14. MẮT	Khâu phục hồi bờ mi
44	14.174	14. MẮT	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
45	14.175	14. MẮT	Khâu phủ kết mạc
46	14.193	14. MẮT	Tiêm dưới kết mạc
47	14.194	14. MẮT	Tiêm cạnh nhãn cầu
48	14.195	14. MẮT	Tiêm hậu nhãn cầu
49	14.197	14. MẮT	Bơm thông lệ đạo
50	14.199	14. MẮT	Điện di điều trị
51	14.200	14. MẮT	Lấy dị vật kết mạc
52	14.201	14. MẮT	Khâu kết mạc
53	14.202	14. MẮT	Lấy calci kết mạc
54	14.203	14. MẮT	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản
55	14.204	14. MẮT	Cắt chỉ khâu kết mạc
56	14.205	14. MẮT	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu
57	14.206	14. MẮT	Bơm rửa lệ đạo
58	14.207	14. MẮT	Trích chắp, lệ, nang lông mi; trích áp xe mi, kết mạc
59	14.208	14. MẮT	Thay băng vô khuẩn
60	14.209	14. MẮT	Tra thuốc nhỏ mắt
61	14.210	14. MẮT	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
62	14.211	14. MẮT	Rửa cùng đồ
63	14.212	14. MẮT	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu
64	14.213	14. MẮT	Bóc sợi giác mạc
65	14.214	14. MẮT	Bóc giả mạc
66	14.215	14. MẮT	Rạch áp xe mi

STT (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
67	14.216	14. MẮT	Rạch áp xe túi lệ
68	14.218	14. MẮT	Soi đáy mắt trực tiếp
69	14.222	14. MẮT	Theo dõi nhãn áp 3 ngày
70	14.223	14. MẮT	Khám lâm sàng mắt
71	14.250	14. MẮT	Test thử cảm giác giác mạc
72	14.251	14. MẮT	Test phát hiện khô mắt
73	14.255	14. MẮT	Đo nhãn áp
74	14.256	14. MẮT	Đo sắc giác
75	14.260	14. MẮT	Đo thị lực
76	14.261	14. MẮT	Thử kính
77	14.288	14. MẮT	Test lấy bì
78	14.290	14. MẮT	Tiêm trong da; tiêm dưới da; tiêm bắp thịt
79	14.291	14. MẮT	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch
80	BS_14.306	14. MẮT	Rửa mắt bằng hóa chất
81	BS_14.307	14. MẮT	Lấy sợi giác mạc trong viêm giác mạc sợi